

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 27 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vãn và ông Trần Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/HSST ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Cư Văn T, sinh năm 1998 tại tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn S, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cư Seo L (*đã chết*) và bà Sùng Thị S; có vợ là Lý Thị Minh N và 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-4-2019 - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Cư Văn T: Ông Hoàng Ngọc Tuấn, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

Bị hại: Chị Hạng Thị S, sinh ngày 08-9-1999; địa chỉ: Thôn Z, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hạng Thị S: Bà Vi Thị An, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 12-2017, Tráng A C bàn bạc và thống nhất với Giàng Seo H cùng trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông tìm phụ nữ lừa bán

sang Trung Quốc lấy tiền tiêu xài. Sau đó, Tráng A C xin H số điện thoại của Giàng Đình S (chú họ của H) để bàn bạc và thống nhất với nhau là Tráng A C với H tìm phụ nữ đưa đến tỉnh Lào Cai, còn Giàng Đình S chịu trách nhiệm đưa người bán sang Trung Quốc, số tiền bán được sẽ chia nhau. Lúc này, H biết bạn gái của mình là chị Hạng Thị C có chị họ là chị Hạng Thị S, đang ở nhà anh trai tại thôn Z, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên H hỏi chị Hạng Thị C xin số điện thoại của chị Hạng Thị S và đưa cho Tráng A C.

Khoảng 19 giờ ngày 23-12-2017, Tráng A C và Giàng Seo H hẹn gặp chị Hạng Thị S và chị Hạng Thị C. Khi gặp nhau, Tráng A C nói chuyện riêng với chị Hạng Thị S, ngỏ ý muốn lấy chị Hạng Thị S làm vợ và đưa về tỉnh Lào Cai để làm đám cưới, nhưng chị Hạng Thị S không đồng ý. Sau đó, Tráng A C nhiều lần liên lạc cho chị Hạng Thị S để tán tỉnh, hẹn tối ngày 26-12-2017 gặp nhau thì chị Hạng Thị S đồng ý.

Khoảng 14 giờ ngày 26-12-2017, Tráng A C bàn bạc với H nội dung Tráng A C sẽ đưa chị Hạng Thị S đến tỉnh Lào Cai trước, còn H sẽ ở lại xem xét tình hình và đi ra sau. Sau đó, H mượn xe mô tô của anh trai mình là Giàng Seo Q cùng Tráng A C chở chị Hạng Thị S ra thị xã G đặt vé ô tô đến tỉnh Lào Cai thì biết còn chuyển xe 21 giờ cùng ngày. Đến khoảng 18 giờ ngày 26-12-2017, Tráng A C điện thoại hẹn gặp chị Hạng Thị S và dụ dỗ chị Hạng Thị S đi đến tỉnh Lào Cai và được chị Hạng Thị S đồng ý. Sau đó, Tráng A C chở chị Hạng Thị S đến thị xã G, nhưng do đã hết xe đi tỉnh Lào Cai nên đón xe taxi đến bến xe tỉnh Đắk Lắk và thuê phòng trọ trong khuôn viên bến xe ngủ lại. Đến khoảng 04 giờ ngày 27-12-2017 Tráng A C và chị Hạng Thị S đón đi tỉnh Lào Cai. Trước khi đi, Tráng A C gọi điện cho Giàng Đình S để báo về việc Tráng A C chuẩn bị đưa người đến tỉnh Lào Cai. Sau đó, Giàng Đình S đến nhà Cư Văn T bàn bạc với T về việc có Tráng A C đưa người ra để bán sang Trung Quốc. Do trước đó Giàng Đình S và T đã đi làm thuê và quen biết người đàn ông tên V sinh sống ở Trung Quốc có mua bán phụ nữ. Lúc này, Giàng Đình S nói T gọi điện cho V để thông báo, bàn bạc về thời gian, địa điểm giao người, đồng thời Giàng Đình S nói T gọi điện cho Giàng Seo G để thuê Giàng Seo G đi đón Tráng A C và chị Hạng Thị S.

Khoảng 20 giờ ngày 28-12-2017, khi Tráng A C và chị Hạng Thị S đã đến tỉnh Lào Cai thì Giàng Đình S đến nhà T thông báo cho T biết để gọi điện cho V hẹn địa điểm để giao người. Tuy nhiên, do T bị đau chân nên ở nhà, còn Giàng Đình S và Giàng Seo G mỗi người đi một xe máy đến ngã ba B, huyện B, tỉnh Lào Cai để đón Tráng A C và chị Hạng Thị S đưa sang Trung Quốc. Khi đến con suối có cây cầu gỗ giáp ranh giữa biên giới Việt Nam và Trung Quốc thuộc

thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai, thì chị Hạng Thị S nghi ngờ mình bị lừa nên yêu cầu Tráng A C cho chị Hạng Thị S về nhưng Giàng Seo G kéo tay, đánh và bắt chị Hạng Thị S phải đi đến bên kia suối để giao cho hai người Trung Quốc đã chờ sẵn. Sau đó, Giàng Đình S đến nói chuyện với hai người Trung Quốc và nói Tráng A C và chị Hạng Thị S lên xe mô tô của người Trung Quốc chở đi vào sâu trong nội địa, còn Giàng Đình S và Giàng A G quay về Việt Nam. Khoảng hai ngày sau đó, Giàng Đình S đem số tiền 34.000.000 đồng đã bán chị Hạng Thị S chia nhau, trong đó T và Giàng A G mỗi người được 5.000.000 đồng.

Trong thời gian chị Hạng Thị S sống tại Trung Quốc, lợi dụng sơ hở của các đối tượng mua bán người chị Hạng Thị S đã bỏ trốn và được Công an Trung Quốc đưa về Việt Nam.

Trong vụ án này còn có các bị cáo: Tráng A C, Giàng Seo G, Giàng Seo H và trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2019/HS-ST ngày 13-3-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Đối với Giàng Đình S hiện đã bị khởi tố và ra quyết định truy nã.

Cáo trạng số: 58/CTr-VKS(P1) ngày 21-8-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Cur Văn T về tội “*Mua bán người*” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Cur Văn T khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố và tự nguyện thỏa thuận bồi thường tiếp cho chị Hạng Thị S số tiền 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Cur Văn T phạm tội “*Mua bán người*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Cur Văn T từ 08 đến 09 năm tù. Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “*Mua bán người*” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn; đã tác động người thân và tự nguyện bồi thường tiếp cho bị hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo... đề xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn đại

diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã đề nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại trình bày: Về trách nhiệm dân sự, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa cũng như bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Về trách nhiệm dân sự, đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không bào chữa bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo Cư Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án đã xét xử và các chứng cứ đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ để kết luận: Giữa bị cáo T và Giàng Đình S có mối quan hệ quen biết, khi được Giàng Đình S bàn bạc về việc đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán để lấy tiền chia nhau cùng các bị cáo khác trong vụ án T đã đồng ý và cùng thực hiện. Ngày 28 -12-2017 Cư Văn T đã cùng Giàng Đình S, Tráng A C và Giàng Seo G đưa chị Hạng Thị S qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc để bán và được hưởng lợi số tiền 5.000.000 đồng. Hành vi của Cư Văn T đã phạm vào tội “*Mua bán người*” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự, cụ thể:

Điều 150 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

...

d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam;”

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của bị hại được pháp luật bảo vệ. Do đó, để bảo đảm việc giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật và phòng ngừa tội phạm, cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian dài mới đảm bảo được mục đích của hình phạt. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường và tại phiên tòa tự nguyện thỏa thuận bồi thường tiếp cho bị hại; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có bố đẻ đã được cơ quan có thẩm quyền tặng khen thưởng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và phong trào thi đua xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch vững mạnh, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần luận cứ của người bào chữa cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự là tương xứng với vai trò, tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cũng như các tình tiết khác của vụ án.

[4]. Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có cần truy thu vào ngân sách nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù, đã được giải quyết tại Bản án số: 10/2019/HSST ngày 13-3-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo Cư Văn T đã tác động gia đình bồi thường 10.000.000 đồng và tại phiên tòa tự nguyện thỏa thuận bồi tiếp 10.000.000 đồng cho chị Hạng Thị S, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường này.

[6]. Về án phí: Bị cáo Cư Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Cư Văn T phạm tội “*Mua bán người*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Cư Văn T 07 (*Bảy*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 01-4- 019.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Truy thu sung vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo Cư Văn T số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Cur Văn T về việc bồi thường tiếp đối với chị Hạng Thị S số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a, c, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Cur Văn T phải chịu 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Lương Đức Dương